

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 17/03/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN - TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Sơn.

Ông Đinh Văn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Xuân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 03 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Xuân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2022/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 03 năm 2022, đối với bị cáo:

Vi Văn D, sinh ngày 16/07/1997 tại huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn B, xã X, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Vi Văn Đ và Hà Thị X1; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị tạm giữ từ ngày 26/11/2021 đến ngày 29/11/2021 chuyển tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Hoàng Đức Hiếu - Trợ giúp viên pháp lý, Chi nhánh trợ giúp pháp lý số 4, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**Bị hại:*

1. Anh Lô Văn H - Sinh năm: 1981.
2. Chị Lương Thị L – Sinh năm: 1981.
2. Cháu Lô Thị H1 – Sinh năm: 2001

Đều trú tại: Thôn L1, xã L2, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại là chị Lương Thị L và cháu Lô Thị H1. Anh Lô Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2020, gia đình anh Lô Văn H (sinh năm 1981, ở thôn L1, xã L2, huyện Như Xuân) do có nhu cầu cho con gái là Lô Thị H1 đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên đã nhờ Vi Văn D (sinh năm 1997, trú tại thôn B, xã X, huyện Như Xuân, trước đây đã từng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản) môi giới và tư vấn làm thủ tục lý lịch; ngày 20/12/2020, Vi Văn D đã đến nhà anh H tư vấn và thống nhất với gia đình anh H sẽ đưa cháu H1 đi xuất khẩu lao động đơn hàng thủy sản ở Nhật Bản với chi phí là 6.800USD; Ngày 29/12/2020, Vi Văn D nhận của gia đình anh H số tiền 10.000.000 đồng để đưa cháu H1 ra Công ty cổ phần đầu tư phát triển giáo dục và thương mại Việt Nhật (gọi tắt là Công ty PTM) đăng ký thi tuyển, nộp hồ sơ, đóng tiền cho công ty và chi phí cho việc đi lại; Sau khi cháu H1 thi đậu đơn hàng và ra Công ty PTM để học nghề và học tiếng Nhật, tính đến ngày 02/2/2020, D đã nhận của gia đình anh H tổng số tiền là 77.500.000đ để ra nộp cho công ty; Nhưng sau khi nhận tiền D không nộp tiền cho Công ty PTM mà bỏ đi đâu không ai biết, do gia đình anh H không tìm được địa chỉ và không liên lạc được với D nên đã làm đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Như Xuân.

Sau khi nhận được đơn tố giác cùng các tài liệu liên quan đến vụ việc, Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân đã triệu tập nhiều lần nhưng Vi Văn D không có mặt tại Cơ quan điều tra để làm việc, qua xác minh, D cũng không có mặt tại địa phương, gia đình D không biết D đi đâu.

Quá trình điều tra đại diện gia đình bị hại, anh Lô Văn H khai báo: Do có nhu cầu cho con gái là cháu Lô Thị H1 đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài và chưa tìm được mối và do có mối quan hệ quen biết nên Vi Văn D đã chủ động đến nhà, D giới thiệu là người tuyển dụng của Công ty xuất khẩu lao động C.I.P.CO ở Hà Nội; Nghe D giới thiệu như vậy anh H tin tưởng và thống nhất cho con gái đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản với chi phí là 6.800USD; Đến khoảng cuối tháng 12/2020, D nhận của gia đình anh H 10.000.000đ và đưa cháu H1 đi ra Công ty PTM đăng ký thi tuyển và nộp cho Công ty 6.000.000đ, còn lại 4.000.000đ D dùng để chi phí đi lại và tiêu sài cá nhân. Sau đó, cháu H1 thi đậu đơn hàng và ra Công ty PTM để học nghề và học tiếng Nhật; đến ngày 02/2/2021, D đến nhà nói là đã đến hạn đóng tiền để chuẩn bị bay đi xuất khẩu, yêu cầu gia đình anh H đưa số tiền là 77.500.000đ để D mang ra đóng cho Công ty; Gia đình anh H đồng ý và đưa số tiền nói trên cho D; đến ngày 11/3/2021 thì Công ty PTM gọi điện thoại cho anh H thông báo là con gái anh chưa nộp tiền; Anh H gọi điện cho D thì không liên lạc được và thông báo cho gia đình D đi tìm nhưng không ai biết D ở đâu, Do D chưa trả lại tiền cho gia đình nên đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan Công an để giải quyết.

Quá trình điều, Vi Văn D khai nhận: Vào khoảng tháng 10/2020, Vi Văn D biết được thông tin gia đình anh Lô Văn H có nhu cầu cho con gái là cháu Lô Thị H1 đi xuất khẩu lao động; Do trước đây đã từng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên D có

quen biết với một số nhân viên của các Công ty xuất khẩu lao động. Vào ngày 20/12/2020, D đã đến nhà anh H tư vấn và thống nhất với gia đình anh H sẽ đưa cháu H1 đi xuất khẩu lao động đơn hàng thủy sản ở Nhật Bản với chi phí là 6.800USD và yêu cầu gia đình anh H phải đóng trước một nửa kèm lệ phí thi tuyển ban đầu. Ngày 29/12/2020, D nhận của gia đình anh H 10.000.000đ và đưa cháu H1 đi ra Công ty cổ phần đầu tư phát triển giáo dục và thương mại Việt Nhật (gọi tắt là Công ty PTM) đăng ký thi tuyển và nộp cho Công ty 6.000.000đ, còn lại 4.000.000đ D dùng để đi lại và tiêu sài cá nhân. Sau đó, cháu H1 thi đậu đơn hàng và ra Công ty PTM để học nghề và học tiếng Nhật. Khi phía Công ty PTM giục đóng tiền, ngày 24/01/2021, D đến và báo gia đình anh H đóng tiền cho D để đem ra nộp cho Công ty, gia đình anh H đã đưa số tiền 40.000.000đ cho D, nhưng D chưa đóng cho Công ty vì nghĩ đang còn thời hạn. Vài ngày sau, nhân viên phía Công ty PTM là chị Trịnh Thị Thủy đã liên lạc với D, đề nghị đóng tiền cho Công ty. Đến ngày 02/2/2021, D lại tiếp tục đến và yêu cầu gia đình H nộp đủ số tiền còn lại, gia đình anh H đã đưa cho D thêm số tiền là 37.500.000 để D đi nộp cho Công ty; D đã nhận tổng số tiền là 77.500.000đ và nói là sẽ ra Công ty để nộp tiền cho cháu H1. Nhưng khi ra đến Hà Nội, D không đóng cho Công ty PTM và Công ty C.I.P.CO mà lại dùng số tiền trên mua một chiếc xe mô tô BKS: 99C1- 343.96 của một người giao bán trên mạng ở Hà Nội với giá 45.000.000đ về sử dụng, sau đó bị hỏng hóc phải sửa chữa hết 16.000.000đ, số tiền còn lại D dùng vào việc tiêu sài cá nhân.

Sau khi nhận và tiêu hết số tiền mà gia đình anh H đưa cho thì D đã bỏ đi khỏi địa phương và cắt đứt mọi liên lạc với gia đình anh H và phía Công ty PTM nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ trả nợ số tiền trên cho gia đình anh H. Nhận thức được hành vi phạm tội của mình, ngày 26/11/2021 Vi Văn D đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra xác minh, Cơ quan điều tra đã đến Công ty cổ phần phát triển giáo dục và thương mại Việt Nhật (gọi tắt là PTM) ở Nam Từ Liêm - Hà Nội và Công ty C.I.P.CO có trụ sở tại TP Hà Nội để xác minh, qua xác minh xác định Vi Văn D không phải là nhân viên hợp đồng, không có chức năng nhiệm vụ gì trong hai công ty nói trên, sau khi nhận tiền của gia đình bị hại, D không nộp tiền cho công ty nào; Vi Văn D chỉ là cộng tác viên của nhân viên Công ty PTM là chị Trịnh Thị Th.

* Vật chứng, đồ vật, tài liệu bị thu giữ trong vụ án:

01 xe mô tô đã qua sử dụng, biển kiểm soát 99C1 – 34396; Nhãn hiệu SUZUKI; màu sơn: Đen – Xám; Số máy: CGA2951020; Số khung: RLSDL23DNHV100968. Cơ quan điều tra đã xác minh, làm việc với chủ sở hữu chiếc xe mô tô trên là anh Nguyễn Văn H2 (sinh năm 1998, ở thôn Đ, xã S, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh). Xe mô tô trên anh H2 rao bán trên mạng và có khách đến nhà mua nên H2 đã bán vào năm 2020, tuy nhiên anh H2 không nhớ họ tên, tuổi và địa chỉ của người đã mua chiếc xe trên; Cơ quan điều tra xác định xe mô tô trên có giấy tờ hợp pháp, xe không bị mất trộm, không bị ai chiếm đoạt, không phải là vật chứng, tang vật của vụ án vụ việc nào, việc mua bán

xe giữa D và người bán là hợp pháp nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện gia đình Vi Văn D.

Trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình Vi Văn D đã khắc phục hậu quả, trả lại số tiền 81.500.000đ cho gia đình bị hại. Bị hại không yêu cầu Vi Văn D bồi thường gì thêm.

Bản cáo trạng số: 13/CT-VKSNX ngày 11/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố Vi Văn D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Trong quá trình điều tra và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 08/03/2022, người bị hại là Lô Văn H trình bày gia đình anh đã nhận lại đầy đủ số tiền 81.500.000(Tám mươi một triệu năm trăm nghìn) đồng, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm và thống nhất đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố, hành vi của bị cáo Vi Văn D đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 175; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn D với mức án từ 27 đến 30 tháng tù.

Ngoài ra, Viện kiểm sát còn đề nghị miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, Trợ giúp viên pháp lý ông Hg Đức Hiếu bào chữa cho bị cáo Vi Văn D nêu quan điểm: Nhất trí với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân truy tố bị cáo Vi Văn D về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật Hình sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, cho bị cáo Vi Văn D được hưởng mức án thấp nhất của hình phạt mà điều luật quy định để bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở thành công dân tốt; Về hình phạt bổ sung: đề nghị miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo thống nhất với quan điểm trợ giúp viên pháp lý và không bổ sung ý kiến bào chữa; Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không tranh luận gì.

Lời nói sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Do Vi Văn D đã từng đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản nên có quen biết với một số nhân viên của các Công ty xuất khẩu lao động. Vào ngày 20/12/2020, D đã đến nhà anh Lô Văn H tư vấn và thống nhất với gia đình anh H sẽ đưa cháu H1 đi xuất khẩu lao động đơn hàng thủy sản ở Nhật Bản với chi phí là 6.800USD. Ngày 24/01/2021, D nhận số tiền 40.000.000đ từ gia đình anh H để đóng cho Công ty, nhưng D chưa đóng vì nghĩ đang còn thời hạn; đến ngày 02/02/2021, D tiếp tục nhận từ gia đình anh H số tiền là 37.500.000 để đóng cho Công ty; D đã nhận tổng số tiền hai lần là 77.500.000đ từ gia đình anh H và nói là sẽ ra Công ty để nộp tiền cho cháu H1. Nhưng khi ra đến Hà Nội, D không đóng cho Công ty PTM và Công ty C.I.P.CO mà D nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền 77.500.000đ và đưa ra các thông tin gian dối như nói dối gia đình bị hại là đã nộp tiền cho Công ty, sau đó thì cắt đứt liên lạc và bỏ trốn khỏi địa phương; D dùng số tiền trên mua một chiếc xe mô tô và tiêu sài cá nhân. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, phù hợp với nội dung của bản cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Bị cáo Vi Văn D là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc sau khi có được tài sản hợp pháp từ người bị hại, lợi dụng sự tin tưởng của người bị hại, sau đó bỏ trốn để thực hành vi chiếm đoạt tài sản là trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về sở hữu tài sản của người bị hại, nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội với tổng số tiền 77.500.000 đồng. Vì vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của Bộ luật hình sự. Quan điểm truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi và hậu quả: Bị cáo Vi Văn D là thanh niên có sức khỏe nhưng không chịu lao động, làm ăn chân chính, lợi dụng mối quan hệ quen biết và sự tin tưởng của người bị hại để chiếm đoạt tài sản rồi bỏ trốn. Hành vi phạm tội của bị cáo diễn ra hết sức manh động, táo bạo và nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo không những trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người bị hại mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình đối với quần chúng nhân dân địa phương.

[5] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo Vi Văn D có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo cùng với gia đình đã kịp thời khắc phục hậu quả. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ thái độ ăn năn hối cải về lỗi lầm đã phạm nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Mặt khác sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện bị cáo đã ra đầu thú, đã bồi thường đầy đủ cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Vi Văn D không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Vi Văn D như đã nêu trên, cần xử lý nghiêm minh đối với bị cáo D để cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung, đồng thời việc cách ly xã hội đối với bị cáo một thời gian là cần thiết. Nhưng khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt chính để bị cáo thấy được có sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo, sớm trở thành người công dân lương thiện.

[7] Xét hành vi phạm tội của bị cáo Vi Văn D là nghiêm trọng nhưng tài sản đã được trả lại cho người bị hại. bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn (có xác nhận của chính quyền địa phương). Mặt khác, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực có điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 175 của Bộ luật hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Toàn bộ số tiền bị cáo chiếm đoạt đã trả lại cho bị hại, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không xem xét;

[9] Án phí: Bị cáo bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 2 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Vi Văn D phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Vi Văn D 27 (Hai mươi bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ, tạm giam (26/11/2021).

Án phí: Bị cáo Vi Văn D phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận

- Bị cáo; Bị hại;
- Người Bào chữa
- VKSND H.Như Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- CQĐT H.Như Xuân;
- Chi cục THADS H.Như Xuân;
- Nhà tạm giữ Công An huyện Như Xuân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thu Hằng